

Chùa chiền Việt Nam  
Pagode vietnamienne

Cho đến ngày hôm nay, không ai có thể làm sáng tỏ nguồn gốc của chữ chùa. Không có sự liên hệ nào với từ « tự » của người Trung Hoa cả. Theo các nhà chuyên gia thì phải tìm nguồn gốc của nó trong tiếng pali qua chữ « thupa » hay là chữ « stupa » theo tiếng phạn vì hình dáng chùa trông giống dạng tháp. Nhưng trong cách đọc đa âm tiết từ các chữ nhập từ nước ngoài đến, người Việt thường rút gọn nên chỉ đọc còn « thu » hay « stu », đây chỉ là một giả thuyết mà nhà nghiên cứu Hà Văn Tấn nêu ra. Còn chữ chiền trong tiếng của người Việt cổ thì thông thường được ghép chung với chữ chùa để nói đến kiến trúc chùa. Tuy nhiên chiền cũng dùng trong quá khứ để chỉ chùa. Chữ này đã được vua Trần Nhân Tông dùng trong bài thơ «Chiền vắng âm thanh » hay là với Nguyễn Trãi qua bài thơ « Cảnh ở tự chiền ». Theo một số học giả thì chữ chiền này nguồn gốc của nó qua chữ pali « cetila » hay là với chữ phạn «caitya».

Ngược lại với đền thường chỉ nơi thờ phượng những vị thần, các nhân vật hay vua chúa có công trạng với đất nước thì chữ Chùa chỉ dùng duy nhất để nói đến nơi thờ kính Phật trong tín ngưỡng của người dân Việt. Trước khi chọn nơi xây cất chùa, người ta rất cần thiết nghiên cứu kĩ càng coi địa hình nơi này có hài hòa với môi trường theo quan niệm phong thủy. Chọn được thế đất rồng rắn, mới có thể yên (Tuyển đặc long xà địa khả cư). Đó là câu nói của thiền sư Không Lộ (1016-1094) của phái Vô Ngôn Thông và quốc sư nhà Lý để khẳng định rõ việc chọn đất xây chùa rất quan trọng. Tuy nhiên, khác với các ngôi chùa thường trông thấy ở Trung Hoa, Ấn Độ hay Cao Mên thì sự hoành tráng và xa hoa lộng lẫy không phải là những tiêu chuẩn được chọn trong việc xây dựng chùa. Bởi vậy những vật liệu cơ bản gồm có cây, gạch và gó. Chùa không nhất thiết phải cao trội hơn các toà nhà xinh quanh. Chùa thường được thấy trong mỗi làng Việt Nam. Cũng như đình, chùa thường gợi lại trong tâm trí của mỗi người dân Việt hình ảnh của làng và quê hương. Người Việt thông thường viếng thăm chùa nhiều hơn đình vì ở chùa không bao giờ có hàng rào giai cấp nào cả. Nơi này, mọi người đều bình đẳng như nhau với châm ngôn mà Phật thường khuyên nhủ để chia sẻ và giải thoát các nỗi khổ đau của con người. Đôi khi còn thấy ở sân chùa trong một khung cảnh long trọng và nghiêm chỉnh, diễn ra các vở tuồng hát bội chớ ở đình, tôn ti đẳng cấp không được coi thường. Phép vua vẫn thua lệ làng. Bởi vậy chùa rất gần gũi hơn bao giờ hết với người dân Việt. Người ta thường nói: Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt để nói lên không những sự liên hệ mật thiết của người dân làng Việt với chùa mà luôn cả sự hài hoà với tạo hóa. Vai trò của chùa rất quan trọng trong đời sống xã hội của làng khiến chùa thường được nhắc nhở rất nhiều trong các câu ca dao như sau:

Đầu làng có một cây đa,  
Cuối làng cây thị đàng xa ngôi nhà  
Hay là :  
Rủ nhau xuống bể mò cua  
Lên non bẻ củi, vào chùa nghe kinh

Qua các ca dao này, mới thấy được người dân Việt rất khẩn khít với non sông trong việc sinh nhai và với chùa về mặt tâm linh. Chùa được xem như ở một mức độ nào là nơi nương tựa lý tưởng và thiêng liêng mà người dân Việt cần có để đối phó với các thiên tai và những lúc thăng trầm trong cuộc sống hằng ngày.

Version française

Jusqu'à aujourd'hui, on ne réussit pas à élucider encore l'origine du mot « Chùa ». Aucun lien n'est trouvé dans l'étymologie du mot chinois « tự (pagode) ». Selon certains spécialistes, il faut chercher son origine dans le mot pali « thupa » ou « stupa » écrit en sanskrit car au début de sa construction, la pagode vietnamienne avait l'apparence d'un stûpa. Comme les Vietnamiens sont habitués à écourter dans leur prononciation syllabique les mots importés de l'étranger, le mot « stupa » devient dès lors le mot « stu » ou « thu » pour aboutir rapidement au fil des années au mot « chùa ». Selon le chercheur vietnamien Hà Văn Tấn, ce n'est qu'une hypothèse.

Quant au mot « Chiền » trouvé dans la langue ancienne du Vietnam (tiếng Việt cổ), il est utilisé aujourd'hui en association avec le mot « Chùa » pour évoquer l'architecture de la pagode. Pourtant ce mot « Chiền » est mentionné souvent seul dans le passé pour désigner la pagode. C'est ce qu'on a trouvé dans le poème intitulé « Chiền vắng am thanh (pagode désertée, asile solitaire) » du roi zhen Trần Nhân Tôn ou celui de Nguyễn Trãi « Cảnh ở tự chiền (ou Paysage de la pagode) ». Pour un grand nombre de gens, ce mot « Chiền » trouve son origine soit dans le mot pali « cetiya » soit dans le mot sanskrit « Caitya » pour désigner en tout cas l'autel du Bouddha.

Contrairement au mot Đền (ou temple) désignant l'emplacement où est vénéré un personnage célèbre (héros, roi ou génie), le mot « Chùa »(ou pagode) est employé uniquement pour indiquer le lieu où on honore Bouddha. Avant la construction de cet édifice, il est indispensable d'examiner son emplacement avec minutie car il a besoin de s'ériger en harmonie avec la nature environnante. Par contre, à la différence des pagodes trouvées en Chine, en Inde ou au Cambodge, la monumentalité et la somptuosité ne font pas partie des critères de sélection dans cette construction. C'est pourquoi les matériaux de base utilisés sont essentiellement le bois, la brique et la tuile. La pagode ne domine pas forcément les bâtiments d'alentour. On la trouve pratiquement dans chaque village. Analogue à la maison communale (ou đình), elle ranime pour la plupart des Vietnamiens l'image de leur village et par connotation celle de leur pays natal. Elle continue à exercer sur eux un attrait envoûtant. Elle est plus visitée que la maison communale car aucune barrière hiérarchique n'y est visible. C'est l'égalité absolue entre les humains, la devise prêchée par Bouddha lui-même pour le partage et la délivrance des souffrances humaines. Même dans ce cadre sérieux et solennel, on trouve parfois dans sa cour des manifestations du théâtre classique (hát bội). Ce n'est pas le cas de la maison du peuple (ou maison communale) où la notabilité doit être respectée avec rigueur. La discrimination hiérarchique est plus ou moins visible. Même l'autorité du roi (Phép vua thua lệ làng) ne peut pas influencer sur cette coutume villageoise. C'est pourquoi la pagode est plus que jamais proche des Vietnamiens. On est habitué à dire: Đất vua, Chùa làng, phong cảnh Bụt (Le sol est au roi, la pagode au village, le paysage au Bouddha) pour rappeler non seulement la proximité et le lien privilégié et intime de la pagode avec ses villageois mais aussi l'harmonie avec la nature. Son rôle est prépondérant dans la vie sociale du village si bien que la pagode ne manque pas d'être mentionnée souvent dans les poèmes populaires:

Il y a un banyan au sommet du village,  
À l'autre extrémité de celui-ci se trouvent un pommier d'or et au plus loin une pagode.

ou

Se précipiter dans la mer pour chercher à tâtons les crabes.

Se ruer à la montagne pour se procurer du bois et entrer à la pagode pour écouter les liturgies bouddhistes.

Cela montre à tel point que les Vietnamiens sont attachés profondément à la mer et à la montagne pour se nourrir et à la pagode pour s'alimenter spirituellement. La pagode est en quelque sorte leur refuge idéal et spirituel face aux calamités naturelles et aux aléas qu'ils ont souvent dans leur vie journalière.

Đặng Anh Tuấn

**Références bibliographiques:**

Chùa Việt Nam. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự, Phạm Ngọc Long. Editeur: Nhà xuất Bản Thế Giới  
Nguyễn Bá Lăng: Kiến trúc Phật giáo Vietnam, Viện Đại Học Vạn Hạnh, Saigon, 1972 .....